

Số: /KH-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2023

KẾ HOẠCH

Cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025

Thực hiện Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước (Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ);

Thực hiện Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND, ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh ban hành Quy chế khai thác, sử dụng dữ liệu của Cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh);

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 77/TTr-STTTT ngày 14/8/2023,

UBND tỉnh ban hành Kế hoạch cung cấp dữ liệu mở trong cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Phước giai đoạn 2023 - 2025 (Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Triển khai cung cấp dữ liệu mở, đạt chỉ tiêu trên 50% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở năm 2023-2024; 100% các cơ quan, đơn vị cung cấp dữ liệu mở vào năm 2025.

- Thúc đẩy người dân, doanh nghiệp khai thác dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Cung cấp công cụ để thu thập dữ liệu từ cộng đồng, làm phong phú kho dữ liệu mở của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh trong việc quản lý, kết nối, chia sẻ sử dụng dữ liệu.

- Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong cơ quan nhà nước và phù hợp với Kiến trúc Chính quyền điện tử của tỉnh.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng, phát triển, quản lý, vận hành Kho dữ liệu số của tỉnh và Cổng dữ liệu mở tỉnh tại địa chỉ: <https://csdl.binhphuoc.gov.vn>, đảm bảo an toàn an ninh thông tin và đúng quy định tại Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh (*Chi tiết danh mục dữ liệu cung cấp dưới dạng dữ liệu mở tại Phụ lục I kèm theo Kế hoạch*).

- Triển khai giải pháp kết nối, tích hợp các dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh về Kho dữ liệu số tỉnh để chia sẻ lên Cổng dữ liệu mở tỉnh đảm bảo đồng bộ và an toàn thông tin.

- Chủ trì, phối hợp với các các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố các dữ liệu do các đơn vị, địa phương thu thập, quản lý theo quy định tại Điều 19, Điều 20 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

- Phối hợp, hỗ trợ các cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung tỉnh và Danh mục dữ liệu mở tỉnh xác định nội dung, hình thức chia sẻ dữ liệu phù hợp lên Cổng dữ liệu mở tỉnh.

2. Các các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Định kỳ phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện rà soát dữ liệu của đơn vị, địa phương mình để cung cấp, đăng tải trên Cổng dữ liệu mở tỉnh và xác định sự phân loại đối với dữ liệu, ưu tiên cung cấp dữ liệu mở đối với dữ liệu mà người dân, doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao đảm bảo đến hết năm 2025, mỗi cơ quan, đơn vị cung cấp và duy trì cung cấp ít nhất một bộ dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh (*Chi tiết mẫu danh mục dữ liệu mở và kế hoạch triển khai tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch*).

- Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu.

- Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở theo quy định tại khoản 4, Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

- Đảm bảo an toàn, an ninh thông tin khi dữ liệu được quản lý, lưu trữ, xử lý, truyền tải trên hệ thống của đơn vị, địa phương mình theo quy định về quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu của cơ sở dữ liệu trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 03/2021/QĐ-UBND ngày 12/3/2021 của UBND tỉnh).

- Bố trí cán bộ làm đầu mối phụ trách đăng tải dữ liệu lên Cổng dữ liệu mở tỉnh, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông để quản lý tài khoản cho Cổng dữ liệu mở của đơn vị mình (cán bộ đầu mối phải là các cán bộ chuyên môn, kỹ thuật có khả năng tham mưu, triển khai các nhiệm vụ liên quan đến quản trị dữ liệu theo quy định của Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí thực hiện kế hoạch được bố trí trong dự toán hằng năm của đơn vị, theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành.
- Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo đúng quy định của pháp luật.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, hội, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm phân công cán bộ, công chức, viên chức thực hiện việc cập nhật dữ liệu mở đảm bảo đúng nội dung và thời hạn theo quy định.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và đơn vị liên quan tham mưu UBND tỉnh bố trí nguồn vốn để thực hiện các nội dung nhiệm vụ của Kế hoạch, đảm bảo theo đúng quy định.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị liên quan cập nhật dữ liệu vào Cổng dữ liệu mở tỉnh và các nội dung khác có liên quan theo Kế hoạch.

- Tổng hợp, đánh giá kết quả việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp; báo cáo UBND tỉnh trước ngày 30/12 hằng năm.

UBND tỉnh yêu cầu các sở, ngành, đơn vị có liên quan căn cứ nhiệm vụ được phân công triển khai thực hiện tốt Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TTTU, TT. HĐND tỉnh,
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, các Phòng;
- Lưu: VT, KGVX, TD21.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuyết Minh

PHỤ LỤC I

DANH MỤC DỮ LIỆU CUNG CẤP DƯỚI DẠNG DỮ LIỆU MỞ
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2023 của UBND tỉnh)

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
I	Giáo dục	
1	Cơ sở dữ liệu văn bằng, chứng chỉ	Sở Giáo dục và Đào tạo
2	Dữ liệu về số giáo viên từng cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo
3	Dữ liệu về số học sinh từng cấp	Sở Giáo dục và Đào tạo
4	Dữ liệu các nhóm trẻ độc lập tự thực	Sở Giáo dục và Đào tạo
5	Dữ liệu các trường mầm non	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Dữ liệu các trường tiểu học	Sở Giáo dục và Đào tạo
7	Dữ liệu các trường tiểu học và trung học cơ sở	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Dữ liệu các trường trung học cơ sở trên địa bàn	Sở Giáo dục và Đào tạo
9	Dữ liệu các trường trung học cơ sở và trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
10	Dữ liệu các trường trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
11	Dữ liệu các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông	Sở Giáo dục và Đào tạo
12	Dữ liệu các cơ sở giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên	Sở Giáo dục và Đào tạo
13	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo tin học	Sở Giáo dục và Đào tạo
14	Dữ liệu danh sách các trung tâm đào tạo ngoại ngữ	Sở Giáo dục và Đào tạo

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
II	Công nghệ thông tin và truyền thông	
15	Dữ liệu số lượng thuê bao điện thoại di động	Sở Thông tin và Truyền thông
16	Dữ liệu số lượng thuê bao điện thoại cố định	Sở Thông tin và Truyền thông
17	Dữ liệu số lượng thuê bao băng rộng cố định	Sở Thông tin và Truyền thông
18	Dữ liệu số lượng thuê bao băng rộng di động mặt đất	Sở Thông tin và Truyền thông
19	Danh sách cơ quan báo chí trung ương và địa phương	Sở Thông tin và Truyền thông
20	Dữ liệu danh sách các cơ sở in được cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm	Sở Thông tin và Truyền thông
21	Số lượng cơ sở hạ tầng điểm phục vụ bưu chính	Sở Thông tin và Truyền thông
22	Dữ liệu vị trí các cột an-ten lắp đặt trạm BTS	Sở Thông tin và Truyền thông
23	Số lượng cơ sở hạ tầng điểm phục vụ viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông
III	Giao thông vận tải	
24	Dữ liệu mạng lưới tuyến, biểu đồ chạy xe trên tuyến, giá vé xe buýt	Sở Giao thông vận tải
25	Dữ liệu các luồng, tuyến cố định hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô	Sở Giao thông vận tải
26	Dữ liệu thông tin trên đường quốc lộ, đường liên tỉnh	Sở Giao thông vận tải
27	Dữ liệu các điểm đỗ xe công cộng	Sở Giao thông vận tải

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
28	Dữ liệu các cơ sở đào tạo lái xe ô tô và trung tâm sát hạch lái xe	Sở Giao thông vận tải
29	Dữ liệu vị trí các công trình báo hiệu đường bộ gồm đèn tín hiệu giao thông, biển báo hiệu	Sở Giao thông vận tải
30	Dữ liệu bến xe khách và giá dịch vụ ra vào bến	Sở Giao thông vận tải
31	Dữ liệu về cấp mới, cấp đổi giấy phép lái xe	Sở Giao thông vận tải
32	Dữ liệu về giá cước vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định	Sở Giao thông vận tải
33	Dữ liệu về danh sách các tuyến đường cấm đỗ xe	Sở Giao thông vận tải
34	Dữ liệu danh sách các hãng taxi	Sở Giao thông vận tải
35	Dữ liệu danh sách các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ vận tải	Sở Giao thông vận tải
IV	Khoa học	
36	Thông tin khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ
37	Cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ
38	Thông tin nhiệm vụ khoa học công nghệ tỉnh Bình Phước	Sở Khoa học và Công nghệ
39	Thông tin kết quả việc xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001 của các cơ quan thuộc hệ thống hành chính nhà nước	Sở Khoa học và Công nghệ
40	Cổng thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa của tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
V	Kế hoạch và đầu tư	
41	Dữ liệu thông tin doanh nghiệp, danh sách doanh nghiệp đăng ký mới, thay đổi, tạm ngừng, giải thể, hoạt động trở lại	Sở Kế hoạch và Đầu tư
42	Dữ liệu các liên hiệp hợp tác xã	Sở Kế hoạch và Đầu tư
VI	Lao động	
43	Dữ liệu về Trung tâm dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
44	Dữ liệu về tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo địa phương	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
45	Dữ liệu về lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm phân theo loại hình kinh tế	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
46	Dữ liệu số hộ nghèo, hộ cận nghèo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
47	Dữ liệu về số người đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
48	Dữ liệu về cơ sở trợ giúp xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
49	Dữ liệu về cơ sở xã hội nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
VII	Tài nguyên môi trường	
50	Dữ liệu tài nguyên	Sở Tài nguyên và Môi trường
51	Dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường
52	Dữ liệu môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
VIII	Nông nghiệp	
53	Công bố thông báo tiếp nhận bản tự công bố sản phẩm thực phẩm,	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
	nông, lâm, thủy sản	
54	Dữ liệu hoạt động trồng trọt	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
55	Dữ liệu các cơ sở sản xuất giống vật nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
56	Dữ liệu các cơ sở chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
57	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
58	Dữ liệu các tổ chức, cá nhân chăn nuôi trang trại quy mô lớn được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
59	Dữ liệu danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
60	Dữ liệu về cơ sở sản xuất giống thủy sản đã được cấp giấy chứng nhận	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
61	Dữ liệu rừng phòng hộ	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
62	Dữ liệu rừng đặc dụng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
63	Dữ liệu rừng sản xuất	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
64	Dữ liệu diễn biến rừng	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
65	Dữ liệu cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
66	Dữ liệu các cơ sở có giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
67	Dữ liệu mã số vùng trồng phục vụ xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
68	Dữ liệu mã số cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
IX	Tài chính	
69	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
70	Cân đối nguồn thu, chi dự toán ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện	Sở Tài chính
71	Dự toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
72	Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và chi ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
73	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo từng lĩnh vực	Sở Tài chính
74	Cân đối ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
75	Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
76	Ước thực hiện chi ngân sách địa phương (quý, 06 tháng, năm)	Sở Tài chính
77	Cân đối ngân sách địa phương	Sở Tài chính
78	Quyết toán thu ngân sách nhà nước	Sở Tài chính
79	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi	Sở Tài chính
X	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
80	Dữ liệu các địa điểm du lịch tự nhiên về cảnh quan thiên nhiên	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
81	Dữ liệu các địa điểm du lịch lịch sử - văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
82	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
83	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
84	Dữ liệu các điểm cung cấp thông tin phục vụ khách du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
85	Dữ liệu các công ty lữ hành du lịch được cấp phép	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
86	Dữ liệu danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
87	Dữ liệu các di tích lịch sử - văn hóa	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
88	Dữ liệu các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
89	Dữ liệu các bảo tàng thuộc phân cấp quản lý	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
90	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
91	Dữ liệu về thành tích thi đấu thể thao	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
92	Dữ liệu các thư viện trên địa bàn	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
93	Dữ liệu tài nguyên du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
94	Dữ liệu các điểm đến du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
95	Dữ liệu các khu, điểm dịch vụ mua sắm, vui chơi, nhà hàng	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
96	Dữ liệu các cơ sở lưu trú du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
97	Dữ liệu các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
98	Dữ liệu về lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
99	Dữ liệu về Hướng dẫn viên du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
XI	Xây dựng	
100	Dữ liệu giá vật liệu xây dựng	Sở Xây dựng
101	Dữ liệu đơn giá nhân công xây dựng	Sở Xây dựng
102	Dữ liệu các dự án nhà ở thương mại, nhà ở xã hội, khu đô thị đang triển khai thực hiện	Sở Xây dựng
103	Dữ liệu quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị	Sở Xây dựng
104	Dữ liệu về việc cấp phép xây dựng	Sở Xây dựng
105	Dữ liệu chỉ số xây dựng	Sở Xây dựng
106	Dữ liệu giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng	Sở Xây dựng
107	Dữ liệu đơn giá xây dựng công trình	Sở Xây dựng
XII	Y tế	
108	Dữ liệu danh sách các cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm thuộc thẩm quyền của địa phương	Sở Y tế
109	Các cơ sở được cấp chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu thực hành sản xuất tốt (GMP), chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền Bộ Y tế	Sở Y tế
110	Dữ liệu các cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc, các cơ sở bán lẻ thuốc	Sở Y tế
111	Dữ liệu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và số giường bệnh của từng cơ sở	Sở Y tế

STT	Tên dữ liệu	Đơn vị chủ trì cung cấp dữ liệu liên quan
112	Dữ liệu cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng	Sở Y tế
XIII	Tư pháp	
113	Dữ liệu về thông báo công khai việc lựa chọn tổ chức đấu giá	Sở Tư pháp
114	Dữ liệu về các tổ chức hành nghề công chứng	Sở Tư pháp
115	Danh sách công chứng viên	Sở Tư pháp
116	Danh sách trợ giúp viên pháp lý, luật sư ký hợp đồng với Trung tâm Trợ giúp pháp lý	Sở Tư pháp
117	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề luật sư	Sở Tư pháp
118	Dữ liệu danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	Sở Tư pháp
XIV	Công Thương	
119	Dữ liệu về danh sách các chợ	Sở Công Thương
120	Dữ liệu về danh sách các siêu thị, trung tâm thương mại	Sở Công Thương
121	Dữ liệu cấp giấy phép sàn giao dịch thương mại điện tử và website thương mại điện tử	Sở Công Thương
122	Dữ liệu các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu	Sở Công Thương

PHỤ LỤC II
MẪU DANH MỤC DỮ LIỆU MỞ VÀ KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI
(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /9/2023 của UBND tỉnh)

TT	Tên tập dữ liệu	Mô tả	Đơn vị chủ trì cung cấp	Ngày cung cấp lần đầu	Tần suất cung cấp	Ghi chú
NHÓM DỮ LIỆU						
1	Lịch các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách các tất cả các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội trên địa bàn tỉnh nhằm mục đích giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tra cứu, chủ động tham gia các chương trình, sự kiện của tỉnh. Dữ liệu bao gồm các thông tin về tên sự kiện, thời gian bắt đầu, kết thúc, địa điểm và đơn vị tổ chức. Dữ liệu được tổng hợp từ các chương trình sự kiện cộng đồng và lễ hội thường niên và mới được cấp phép trong thời hạn 1 tháng.</i>	Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch	01/08/2023	Hàng tháng	Ví dụ
2	Danh sách các cơ sở bán lẻ thuốc	<i>Dữ liệu cung cấp danh sách tất cả các cơ sở bán lẻ thuốc trên địa bàn tỉnh giúp cho các cá nhân, tổ chức dễ dàng tìm kiếm được các cơ sở đã được cấp phép hoạt động trên từng khu vực để</i>	Sở Y tế	01/12/2023	Hàng tháng	Ví dụ

		<i>thuận tiện trong việc mua sản phẩm thuốc cũng như phát hiện các cơ sở kinh doanh trái phép. Dữ liệu bao gồm thông tin về tên cơ sở, địa chỉ kinh doanh phân theo từng phường, xã, phạm vi kinh doanh, ngày cấp và ngày hết hạn giấy phép được trích xuất từ hệ thống cấp phép của Sở Y tế.</i>				
NHÓM DỮ LIỆU:						

1. Một số lưu ý khi triển khai dữ liệu mở

a) Dữ liệu mở của cơ quan nhà nước: là dữ liệu được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

b) Nguyên tắc cung cấp dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 17 và việc công bố dữ liệu mở đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 20, 21 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

c) Kế hoạch và triển khai dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước thực hiện theo Điều 19 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

d) Sử dụng dữ liệu mở của cơ quan nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ.

đ) Về định dạng dữ liệu: Khuyến khích cung cấp dữ liệu ở nhiều định dạng khác nhau, đặc biệt là các định dạng máy có thể đọc được, chia sẻ dưới dạng dịch vụ giao diện lập trình ứng dụng (API). Dữ liệu ở định dạng máy có thể đọc được phải là dữ liệu có cấu trúc (ví dụ như CSV, JSON, XML...).

2. Hướng dẫn chi tiết các cột trong bảng mẫu:

a) TT: Số thứ tự của dịch vụ trong danh mục.

b) Tên tập dữ liệu: Tên dữ liệu phải được viết dễ hiểu cho nhiều đối tượng khác nhau, độ dài vừa đủ để mô tả được nội dung dữ liệu hàm chứa.

c) Mô tả: Thông tin mô tả về mục đích, phạm vi, nội dung, cơ chế thu

thập, cập nhật, nguồn dữ liệu được thu thập cũng như các thông tin khác nếu có về chất lượng, độ tin cậy của dữ liệu.

d) Đơn vị chủ trì cung cấp: Cơ quan có thẩm quyền được giao quản lý và cung cấp dữ liệu.

đ) Ngày cung cấp lần đầu: Ngày mà dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền công bố rộng rãi cho cơ quan, tổ chức, cá nhân tự do sử dụng, tái sử dụng, chia sẻ.

e) Tần suất cung cấp: Tần suất mà dữ liệu được cung cấp. Ví dụ như hàng tuần, hàng tháng, hàng năm...

g) Ghi chú: Các thông tin bổ sung khác (nếu có).

h) Nhóm chủ đề: Tên chủ đề mà dữ liệu được sắp xếp thành các nhóm để thuận tiện trong việc tìm kiếm.